

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyễn và bà Trần Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Vương Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Số 26 Nguyễn Thị M, thị trấn H, huyện L, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Minh T, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT và địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2022 chị Phạm Thị D trình bày:

Chị Phạm Thị D và anh Ngô Minh T kết hôn vào ngày 28/02/2017, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện L, tỉnh Q, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau dẫn đến không cùng chung chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình, do đó chị D thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ít khi ở tại gia đình chồng. Chị D cũng không sinh hoạt, không tham gia Hội Phụ nữ ở thôn T, xã L, vì chị D chỉ ở đây một thời gian rất ngắn, không quen biết ai.

Anh Ngô Minh T xuất cảnh khỏi Việt Nam vào tháng 5/2019, từ đó đến nay vợ chồng không hề liên lạc, hỏi han, quan tâm, động viên gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng từ đó ngày càng căng thẳng, không thể hàn gắn được nữa. Nay tình cảm vợ chồng vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Ngô Minh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Minh Tuấn, sinh ngày 08/8/2017. Nếu ly hôn thì chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn, thực tế cháu Tuấn từ nhỏ ở với chị D và do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu Tuấn đang học mẫu giáo tại Trường mầm non S; địa chỉ: thị trấn H, huyện L, tỉnh Q; bản thân chị D hiện nay đang làm kinh doanh mức thu nhập khoảng 8 triệu đồng/tháng, do đó chị D đủ khả năng để đảm bảo cuộc sống cho cháu Tuấn được sinh hoạt, học tập đầy đủ.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 31/3/2022, chị D có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Tuy nhiên, tại đơn trình bày ý kiến ngày 30/5/2022, chị D chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi cháu Tuấn thành niên.

- Về nợ chung và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thông tin xuất cảnh của anh Ngô Minh T: Theo xác nhận của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị cho biết anh Ngô Minh T xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất là ngày 08/5/2019 qua Sân bay quốc tế Nội Bài đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án phải tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Ngô Minh T thông qua người thân là bà Ngô Thị H, sinh năm 1977 (là chị ruột của anh T) và anh Trần Đức A, sinh năm 1961 (là anh rể của anh T); hiện trú tại: Số 13 đường B, thị trấn H, huyện L, tỉnh Q.

Tại biên bản làm việc ngày 20/5/2022, bà Ngô Thị H (là chị ruột của anh T) và anh Trần Đức A, sinh năm 1961 (là anh rể của anh T) trình bày ý kiến:

Bà Ngô Thị H, sinh năm 1977 là chị ruột, còn anh Trần Đức A, sinh năm 1961 là anh rể của anh Ngô Minh T. Hoàn cảnh gia đình là mẹ của anh T mất sớm, bố lập gia đình mới, vì vậy bà H nuôi anh T từ nhỏ, mọi việc trong gia đình đều do bà H lo cho các em. Chị H cho biết:

Anh Ngô Minh T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh là ở tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Q. Hiện tại, anh T đang lao động tại nước ngoài; mặc dù anh T có liên lạc với gia đình thông qua Zalo, Facebook và điện thoại nhưng bà H không biết và không được anh T cung cấp địa chỉ nơi sinh sống và làm việc tại nước ngoài ở đâu. Theo bà H, Vợ chồng anh T và chị D có 01 con chung là cháu Ngô Minh Tuấn, sinh ngày 08/8/2017, cháu Tuấn ở với mẹ từ nhỏ và hiện nay chị D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng anh T gửi khoảng 4.000.000 đồng để nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã chụp hình gửi qua Zalo và thông báo cho anh T biết việc chị D có đơn xin ly hôn và TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý giải quyết vụ việc. Anh T có ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Anh Ngô Minh T và chị Phạm Thị D kết hôn hợp pháp. Tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng nếu chị D muốn ly hôn thì quyền chị D quyết định.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Minh Tuấn, sinh ngày 08/8/2017, anh T đồng ý giao cháu Tuấn cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang làm ăn ở nước ngoài, không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án được. Do đó, anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong cả quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Ngô Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Minh Tuấn, sinh ngày 08/8/2017 cho chị Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Ngô Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 31/3/2022, chị Phạm Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Ngô Minh T; tại thời điểm này anh T đã xuất cảnh khỏi Việt Nam, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị D và người thân của anh T không cung cấp được địa chỉ nơi sinh sống, làm việc ở nước ngoài của anh T. Tuy nhiên, anh T vẫn hay liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và mạng xã hội. Anh T đã được người thân thông tin về việc chị D khởi kiện xin ly hôn và vụ việc đang do TAND tỉnh Quảng Trị giải quyết nhưng vẫn không có ý kiến bằng

văn bản, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc: “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ngô Minh T vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được; Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng phiên tòa ngày 07/6/2022 anh T vắng mặt lần thứ nhất mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lại phiên tòa được xét xử lại vào ngày 21/6/2022 (theo đúng kế hoạch giải quyết vụ án đã thông báo trước cho anh T). Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập anh T đến phiên tòa ngày 21/6/2022 thông qua người thân là chị ruột của anh T. Ngày 30/5/2022, nguyên đơn chị Phạm Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh T vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Phạm Thị D và bị đơn anh Ngô Minh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị D và anh Ngô Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28/02/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện L. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp, nay chị Phạm Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Minh T, nên Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị D và anh T có cuộc sống chung vợ chồng được một thời gian ngắn; đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau dẫn đến không cùng chung chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình, do đó chị D thường xuyên về nhà bố mẹ để sinh sống, ít khi ở tại gia đình chồng. Anh T đi xuất khẩu lao động tháng 5/2019, vợ chồng càng phát sinh thêm nhiều mâu thuẫn, thời gian dài vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, anh T không về thăm gia đình dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D để xem xét cho chị D được ly hôn đối với anh Ngô Minh T.

[3]. *Về con chung*: Chị Phạm Thị D và anh Ngô Minh T có 01 con chung là cháu Ngô Minh Tuấn, sinh ngày 08/8/2017. Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tuấn nếu vợ chồng ly hôn. Xét thấy, từ khi anh T đi xuất khẩu lao động đến nay, cháu Tuấn do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Tuấn hiện đang sinh sống ổn định, học tập tại địa bàn thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh (nơi chị Duyên sinh sống). Do hiện tại anh T đang ở nước ngoài, không có mặt tại địa phương nên không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Phạm Thị D hiện đang ở tại địa phương, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn của chị D là có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị D giao cháu Ngô Minh T, sinh ngày 08/8/2017 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/3/2022, chị D có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Tuy nhiên, tại đơn trình bày ý kiến ngày 30/5/2022, chị D chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng.

Thấy rằng, theo trình bày của người thân anh T thì thực tế từ trước đến nay mỗi tháng anh T vẫn gửi về cho chị D 4.000.000 đồng để nuôi cháu Tuấn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và người thân đã thông báo cho anh T biết, nhưng anh T không chứng minh điều kiện và mức thu nhập là coi như từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình. Hiện nay, cháu Tuấn mới 05 tuổi, cháu đang trong độ tuổi rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng tốt để phát triển về thể chất lẫn trí tuệ; do đó, để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn cần một khoản chi phí nhất định, so với mức sống trung bình hiện nay việc chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng là thỏa đáng, cần chấp nhận.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Ngô Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Ngô Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Minh Tuấn, sinh ngày 08/8/2017 cho chị Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp được giao nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) tính từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu Tuấn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

4. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000098 ngày 10/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Q (chị D đã nộp đủ án phí). Anh Ngô Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, bị đơn anh Ngô Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Q;
- UBND thị trấn H;
- Tổ HCTP;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Văn Phương